

Bản án số: **45/2025/DS – ST**
Ngày: 21/3/2025
V/v: “*Tranh chấp Hợp đồng
mua bán tài sản*”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THẠNH PHÚ - TỈNH BẾN TRE

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Thủy Tiên.
- *Các Hội thẩm nhân dân :* Ông Nguyễn Văn Sơn.
Ông Nguyễn Thanh Hải.
- *Thư ký phiên tòa:* Ông Phạm Văn Sĩ – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thạnh Phú.

Ngày 21 tháng 3 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thạnh Phú xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 607/2024/TLST-DS ngày 19 tháng 12 năm 2024 về việc tranh chấp “*Hợp đồng mua bán tài sản*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 34/2025/QĐXXST-DS ngày 17 tháng 02 năm 2025; Quyết định hoãn phiên tòa số: 36/2025/QĐST-DS, ngày 05 tháng 3 năm 2025 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị Thanh T, sinh năm: 1997; Địa chỉ thường trú: 277/66, ấp Đ, xã H, huyện C, tỉnh Bến Tre. Địa chỉ liên hệ: số G, ấp A, xã A, huyện T, tỉnh Bến Tre.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn Nguyễn Thị Thanh T: bà Phan Kỳ D, sinh năm 2001. Địa chỉ thường trú: Tổ F, khu phố B, thị trấn V, huyện Đ, tỉnh Bình Thuận. Địa chỉ liên hệ: số G, ấp A, xã A, huyện T, tỉnh Bến Tre (theo văn bản ủy quyền ngày 12/3/2025) (có mặt).

- *Bị đơn:* Ông Nguyễn Văn N, sinh năm: 1964 (có mặt).

Bà Nguyễn Thị C, sinh năm 1963 (vắng mặt).

Cùng địa chỉ: Số nhà A, ấp T, xã M, huyện T, tỉnh Bến Tre.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nội dung đơn khởi kiện, bản tự khai, trong quá trình tố tụng tại tòa án và tại phiên tòa - nguyên đơn Nguyễn Thị Thanh T ủy quyền bà Phan Kỳ D trình bày:

Bà Nguyễn Thị Thanh T là chủ hộ kinh doanh cửa hàng T1 (gọi tắt là Minh L) và ông Nguyễn Văn N, bà Nguyễn Thị C thực hiện giao dịch mua bán thức ăn tôm. Thời gian bắt đầu mua bán thức ăn nuôi tôm, thuốc thú y thủy sản là ngày 24/5/2023,

đến ngày 21/6/2023 mới ký hợp đồng mua bán thức ăn. Theo đó cửa hàng T1 bán thức ăn nuôi tôm thẻ chân trắng, tôm sú mang nhãn hiệu Việt H và các loại thuốc thủy sản theo số lượng đặt hàng của ông Nguyễn Văn N, bà Nguyễn Thị C nuôi tôm, đến cuối vụ ông N, bà C phải thanh toán dứt điểm công nợ cho cửa hàng T1. Trong quá trình giao dịch, ông N, bà C không thực hiện trả tiền đúng theo thỏa thuận, đến cuối vụ không thanh toán hết công nợ cho cửa hàng T1. Theo Bảng đối chiếu công nợ ngày 12/8/2024 ông N, bà C còn nợ cửa hàng T1 số tiền 99.645.000 đồng (Chín mươi chín triệu sáu trăm bốn mươi lăm nghìn đồng). Cửa hàng T1 đã liên hệ nhiều lần yêu cầu ông N, bà C thanh toán tiền nhưng ông N, bà C hứa hẹn không chịu thanh toán công nợ.

Do ông N và bà C không thực hiện việc trả tiền cho cửa hàng thuốc thú y thủy sản M, nên nay bà Nguyễn Thị Thanh T là chủ hộ kinh doanh cửa hàng thuốc thú y thủy sản T1 khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Nguyễn Văn N và bà Nguyễn Thị C phải có nghĩa vụ liên đới thanh toán cho bà Nguyễn Thị Thanh T số tiền nợ gốc 99.645.000 đồng và nợ lãi tính từ ngày xác nhận công nợ 12/8/2024 đến ngày Tòa xét xử xong vụ án 21/3/2025 là 07 tháng lẻ 09 ngày với mức lãi suất 0.83%/tháng với số tiền lãi 6.037.000 đồng. Nay bà T đồng ý bớt cho ông N và bà C số tiền lãi 3.037.000 đồng, chỉ yêu cầu ông N và bà C có nghĩa vụ liên đới trả số tiền lãi 3.000.000 đồng. Tổng số tiền nợ gốc và lãi bà T yêu cầu ông N và bà C có nghĩa vụ liên đới trả cho bà T là 102.645.000 đồng (Một trăm lẻ hai triệu sáu trăm bốn mươi lăm nghìn đồng).

Theo nội dung bản tự khai, trong quá trình tố tụng tại tòa án và tại phiên tòa - bị đơn ông Nguyễn Văn N trình bày:

Ông thừa nhận có mua thức ăn nuôi tôm và thuốc thú y thủy sản của cửa hàng T1 trước đó do ông Trần Duy Q làm chủ, còn hiện nay đã đổi qua bà Nguyễn Thị Thanh T làm chủ. Thời gian bắt đầu mua bán cụ thể thì ông không nhớ rõ. Việc mua thức ăn nuôi tôm và thuốc thú y thủy sản là để phục vụ phát triển kinh tế chung cho gia đình. Trong quá trình mua bán thức ăn nuôi tôm và thuốc thú y thủy sản thì ông còn nợ lại cửa hàng thuốc thú y thủy sản Minh L số tiền nợ gốc 99.645.000 đồng.

Nay bà Nguyễn Thị Thanh T yêu cầu ông và vợ ông là bà Nguyễn Thị C có nghĩa vụ liên đới trả cho bà T số tiền nợ gốc 99.645.000 đồng, nợ lãi tính từ ngày 12/8/2024 đến ngày Tòa xét xử xong vụ án 21/3/2025 với lãi suất 0.83%/tháng với số tiền lãi là 6.037.000 đồng, bà T đồng ý bớt cho ông và bà C số tiền lãi 3.037.000 đồng, chỉ yêu cầu trả số tiền lãi là 3.000.000 đồng thì ông và bà C đồng ý có nghĩa vụ liên đới trả cho bà T số tiền nợ gốc 99.645.000 đồng nhưng xin được trả dần với cách thức trong một năm sẽ trả cho bà T 10.000.000 đồng, rồi cứ mỗi năm tiếp theo trả 10.000.000 đồng cho đến khi hết nợ. Còn nếu nuôi tôm trúng thì sẽ trả nhiều hơn 10.000.000 đồng. Thời gian bắt đầu trả nợ là ngày 30/7/2025. Về số tiền lãi thì xin bà T bỏ toàn bộ số tiền lãi cho vợ chồng ông. Còn nếu Tòa xử buộc ông và bà C trả tiền lãi cho bà T thì ông cũng đồng ý, không có ý kiến gì.

Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn bà Nguyễn Thị C luôn vắng mặt trong các lần hòa giải, công khai chứng cứ, xét xử nên không có lời trình bày.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ, lời trình bày của các đương sự; sau khi phân tích, đánh giá toàn diện, nhận định đầy đủ, khách quan về các chứng cứ, những tình tiết của vụ án; Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Căn cứ vào đơn khởi kiện của bà Nguyễn Thị Thanh T về việc yêu cầu bị đơn ông Nguyễn Văn N và bà Nguyễn Thị C trả tiền mua bán thức ăn còn thiếu. Bị đơn ông Nguyễn Văn N và bà Nguyễn Thị C có đăng ký thường trú tại ấp T, xã M, huyện T, tỉnh Bến Tre, nên căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự thì xác định đây là vụ án tranh chấp về hợp đồng mua bán tài sản và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thạnh Phú, tỉnh Bến Tre.

[2] Về tố tụng: Bị đơn bà Nguyễn Thị C đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai để dự phiên tòa xét xử sơ thẩm, nhưng bà C vẫn vắng mặt không lý do, nên Tòa án xét xử vắng mặt bà C là đúng quy định tại Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự.

Quá trình tố tụng, Tòa án không có tiến hành thu thập chứng cứ, đối tượng tranh chấp không phải là tài sản công, lợi ích công cộng, quyền sử dụng đất, nhà ở; không có đương sự là người chưa thành niên, người mất năng lực hành vi dân sự, người bị hạn chế năng lực hành vi dân sự, người có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi nên Viện kiểm sát không tham gia phiên tòa là đúng theo quy định tại Điều 21 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về nội dung giải quyết vụ án:

Hợp đồng mua bán tài sản được xác lập giữa nguyên đơn Nguyễn Thị Thanh T là chủ cửa hàng thuốc thú y thủy sản T1 với bị đơn ông Nguyễn Văn N và bà Nguyễn Thị C được giao kết trên cơ sở tự nguyện và bình đẳng, cả hai đều có năng lực pháp luật và năng lực hành vi dân sự nên được xem là hợp đồng hợp pháp.

Tại phiên tòa, bà Phan Kỳ D là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Thanh T yêu cầu ông Nguyễn Văn N và bà Nguyễn Thị C có nghĩa vụ liên đới trả cho bà T là chủ cửa hàng thuốc thú y thủy sản Minh L số tiền nợ gốc 99.645.000 đồng (Chín mươi chín triệu sáu trăm bốn mươi lăm nghìn đồng). Ông N thừa nhận có mua thức ăn chăn nuôi tôm và thuốc thú y thủy sản của cửa hàng thuốc thú y thủy sản Minh L và hiện nay còn nợ cửa hàng T1 số tiền nợ gốc 99.645.000 đồng. Ông N đồng ý có nghĩa vụ liên đới cùng bà C trả cho cửa hàng T1 số tiền nợ gốc 99.645.000 đồng. Lẽ đó, việc bà T yêu cầu ông N và bà C có nghĩa vụ liên đới trả cho bà T số tiền 99.645.000 đồng là có căn cứ và phù hợp quy định pháp luật, nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Ngoài số tiền nợ gốc 99.645.000 đồng, bà T còn yêu cầu ông N và bà C có nghĩa vụ liên đới trả số tiền lãi tính từ ngày xác nhận công nợ 12/8/2024 cho đến

ngày Tòa xét xử xong vụ án ngày 21/3/2025 là 07 tháng lẻ 09 ngày với mức lãi suất 0.83%/tháng với số tiền lãi là 6.037.000 đồng. Tại tòa hôm nay, người đại diện theo ủy quyền của bà T đồng ý bớt cho ông N và bà C số tiền lãi 3.037.000 đồng, chỉ yêu cầu ông N và bà C có nghĩa vụ liên đới trả cho bà T số tiền lãi 3.000.000 đồng. Còn ông N thì chỉ xin trả số tiền gốc, đối với số tiền lãi ông N xin bà T bỏ số tiền lãi cho ông N và bà C. Xét thấy, trong quá trình mua bán thức ăn nuôi tôm và thuốc thú y thủy sản, do ông N và bà C không thanh toán tiền đúng như thỏa thuận, nên ông N và bà C còn phải có nghĩa vụ trả lãi theo quy định tại khoản 2 Điều 357, Điều 440 và khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự 2015, nên yêu cầu của nguyên đơn bà T về việc yêu cầu bị đơn ông N và bà C có nghĩa vụ liên đới trả số tiền lãi 3.000.000 đồng là có căn cứ và phù hợp với quy định pháp luật, nên được Hội đồng xét xử chấp nhận. Đối với số tiền lãi 3.037.000 đồng, do nguyên đơn tự nguyện bớt cho bị đơn, rút lại một phần yêu cầu khởi kiện với số tiền lãi này, xét thấy đây là sự tự nguyện của nguyên đơn nên Hội đồng xét xử ghi nhận. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc yêu cầu ông N và bà C có nghĩa vụ liên đới trả số tiền lãi 3.037.000 đồng.

Như vậy, tổng số tiền nợ gốc và lãi ông Nguyễn Văn N và bà Nguyễn Thị C phải có nghĩa vụ liên đới trả cho bà Nguyễn Thị Thanh T là 102.645.000 đồng (Một trăm lẻ hai triệu sáu trăm bốn mươi lăm nghìn đồng).

[5] Về yêu cầu trả dần nợ của ông N: Ông N xin được trả dần số tiền nợ cho cửa hàng thuốc thú y thủy sản Minh L do bà T làm chủ với cách thức trong một năm sẽ trả cho bà T 10.000.000 đồng, rồi cứ mỗi năm tiếp theo trả 10.000.000 đồng cho đến khi hết nợ. Còn nếu nuôi tôm trúng thì sẽ trả nhiều hơn 10.000.000 đồng. Yêu cầu xin trả dần này của ông N không được nguyên đơn đồng ý. Do ông N và bà C đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ, không thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho bà T chủ cửa hàng T1 trong một thời gian dài đã làm ảnh hưởng đến quyền lợi của bà T, nên yêu cầu xin được trả dần số nợ của ông N và bà C không được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[6] Về án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch: Do yêu cầu khởi kiện của bà T được chấp nhận, nên ông N và bà C phải có nghĩa vụ liên đới chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch với số tiền $102.645.000 \text{ đồng} \times 5\% = 5.132.250 \text{ đồng}$. Tuy nhiên, do ông N và bà C là người cao tuổi nên ông N và bà C được miễn nộp tiền án phí theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội.

Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 39, 92, 147, 217, 227, 235 và Điều 273 của Bộ Luật tố tụng dân sự. Điều 27, 37 Luật Hôn nhân và gia đình.

Áp dụng Điều 430, Điều 440 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Thanh T. Buộc ông Nguyễn Văn N và bà Nguyễn Thị C phải có nghĩa vụ liên đới trả cho bà Nguyễn Thị Thanh T là 102.645.000 đồng (Một trăm lẻ hai triệu sáu trăm bốn mươi lăm nghìn đồng).

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

2. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Thanh T về việc yêu cầu ông Nguyễn Văn N và bà Nguyễn Thị C có nghĩa vụ liên đới trả số tiền lãi 3.037.000 đồng (Ba triệu không trăm ba mươi bảy nghìn đồng).

3. Về án phí dân sự sơ thẩm: Do ông Nguyễn Văn N và bà Nguyễn Thị C là người cao tuổi, nên ông N và bà C được miễn nộp tiền án phí theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội.

Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thạnh Phú hoàn trả số tiền tạm ứng án phí 2.554.000 đồng (Hai triệu năm trăm năm mươi bốn nghìn đồng) cho bà Nguyễn Thị Thanh T (do bà Lê Thị Phương L1 nộp thay) theo biên lai thu số 0008560 ngày 17/12/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thạnh Phú, tỉnh Bến Tre.

Các đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền làm đơn kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, để yêu cầu Tòa án cấp trên xét xử phúc thẩm. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền làm đơn kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự để yêu cầu Tòa án cấp trên xét xử phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo Điều 2 Luật thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án, hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, 7a, 7b Điều 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bến Tre;
- VKSND huyện Thạnh Phú;
- Chi cục THA DS huyện Thạnh Phú;
- Các đương sự;
- Lưu (hồ sơ, Vp).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

(đã ký)

Nguyễn Thị Thủy Tiên